

Bản án số: 579/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Nửa

2. Bà Phạm Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 304/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Dương Việt H, sinh năm 1981

Địa chỉ thường trú: 8 đường N, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Yến T, sinh năm 1983

Địa chỉ thường trú: 13A Lô U, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: 13A Lô U, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Dương Việt H trình bày:

Ông và bà Trần Thị Yến T tự nguyện chung sống từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2011 ngày 22/6/2011. Thời gian đầu sau khi kết hôn đời sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc, đến năm 2021 ông H nhận thấy bà T không còn tình cảm với ông nữa, ông đã nhiều lần tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không giải quyết được nên ông H đã dọn ra ngoài sinh sống từ năm 2022 cho đến nay. Hiện nay ông H xác định không còn tình cảm với

bà T nữa, hai bên có đời sống độc lập, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Trần Thị Yến T.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị Yến T có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Trần Tường V, sinh ngày 09/7/2011 và Nguyễn Trần Tường V2, sinh ngày 07/02/2018. Hiện nay 02 con chung đang sống ổn định cùng bà T, ông H làm nghề tài xế, giờ giấc làm việc không ổn định nên đề nghị giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Tường V1 và Nguyễn Trần Tường V2 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con lần lượt thành niên; cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn bà Trần Thị Yến T đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng đều cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Yến T có trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 31/7/2023 như sau: Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân Quận 6 và xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do công việc của ông H thường xuyên đi làm qua đêm, không quan tâm vợ, con dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng đã ly thân từ sau khi sinh con thứ hai, nay bà đồng ý trước yêu cầu ly hôn của ông H.

Về con chung: Bà Trần Thị Yến T xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Tường V1, sinh ngày 09/7/2011 và Nguyễn Trần Tường V2, sinh ngày 07/02/2018. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông Nguyễn Dương Việt H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn bà Trần Thị Yến T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Dương Việt H và bà Trần Thị Yến T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, **căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014**, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Dương Việt H được ly hôn bà Trần Thị Yến T. Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Trần Tường V1, sinh ngày 09/7/2011 và Nguyễn Trần Tường V2, sinh ngày 07/02/2018, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con lần lượt thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không

xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: ông H và bà T khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết. Án phí do nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Dương Việt H thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Dương Việt H đối với bị đơn bà Trần Thị Yến T có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Bị đơn bà Trần Thị Yến T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Dương Việt H và bà Trần Thị Yến T có đăng ký kết hôn từ năm 2011 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Phía nguyên đơn ông Nguyễn Dương Việt H trình bày mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2021 do ông nhận thấy bà T không còn tình cảm với ông, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc và tin tưởng lẫn nhau. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Phía bị đơn bà Trần Thị Yến T có ý kiến xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn do ông H không biết quan tâm, chăm sóc vợ, con. Vợ chồng đã ly thân từ sau khi bà sinh con thứ hai và nay bà đồng ý trước yêu cầu ly hôn của ông H.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”* nhưng qua lời trình bày của ông H thì Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng ông H, bà T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, không hòa hợp nhau về mọi mặt, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc và tin tưởng lẫn nhau và trong quá trình giải quyết vụ án bà T có ý kiến đồng ý trước yêu cầu ly hôn của ông H. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của ông H và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H được ly hôn đối với bà Trần Thị Yến T là có cơ sở.

[6] Về con chung: Ông Nguyễn Dương Việt H và bà Trần Thị Yến T có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Trần Tường V1, sinh ngày 09/7/2011 và Nguyễn Trần Tường V2, sinh ngày 07/02/2018. Ông H đề nghị giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời bà T có ý kiến đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông H và bà T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu

Tòa án giải quyết. Căn cứ Tờ nguyện vọng ngày 28/7/2023 của trẻ Nguyễn Trần Tường V1 mong muốn được ở cùng với mẹ và em. Đối với trẻ Nguyễn Trần Tường V2 tại thời điểm xét xử chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không ghi nhận nguyện vọng của trẻ. Ngoài ra, căn cứ Công văn số 654/UBND của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S ngày 24/7/2023 thì bà *Trần Thị Yến T đang sống cùng 02 con Nguyễn Trần Tường V1 và Nguyễn Trần Tường V2*. Do đó, để đảm bảo đời sống ổn định của 02 trẻ đang ở cùng với mẹ và vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Tường V1 và Nguyễn Trần Tường V2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con lần lượt thành niên, ghi nhận việc ông H và bà T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Dương Việt H và bà Trần Thị Yến T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Dương Việt H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Dương Việt H và bà Trần Thị Yến T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 189, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Dương Việt H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Dương Việt H được ly hôn với bà Trần Thị Yến T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Dương Việt H và bà Trần Thị Yến T ngày 22/6/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Dương Việt H và bà Trần Thị Yến T có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Trần Tường V1, sinh ngày 09/7/2011 và Nguyễn Trần Tường V2, sinh ngày 07/02/2018.

Giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Tường V1 và Nguyễn Trần Tường V2 cho bà Trần Thị Yến T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con lần lượt thành niên.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Dương Việt H và bà Trần Thị Yến T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Dương Việt H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Trần Thị Yến T.

Ông Nguyễn Dương Việt H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Nguyễn Dương Việt H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trần Thị Yến T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Dương Việt H.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Dương Việt H và bà Trần Thị Yến T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Dương Việt H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013298 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Dương Việt H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Dương Việt H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Yến T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phúc Trường